

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh-Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi tắt là “nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305168938 ngày 27 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 11 lần cấp bổ sung giấy chứng nhận thay đổi đăng ký doanh nghiệp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ, thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi địa chỉ Công ty, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 vào ngày 29 tháng 3 năm 2024 do thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 0283 7 423 499 – 0283 7 423 501 – 0283 7 423 502
- Fax : 0283 7 423 500
- Email : info@catlaiport.com.vn
- Website : www.catlaiport.com.vn

Địa chỉ giao dịch : Số 50 Nguyễn Văn Kinh, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thành Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Tạ Cao Thái	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Chí Đăng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Hiếu Đạo	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Châu Bảo	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Huỳnh Mai	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Hoàng Đức Thịnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Thanh Thành	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Hải Nam	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Lê Thị Đoan Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Chí Đăng	Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Phạm Hiếu Đạo	Phó Giám đốc	Ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Hoàng Minh Thảo	Phó Giám đốc	Ngày 03 tháng 6 năm 2024
Ông Nguyễn Viết Trường	Kế toán trưởng	Ngày 29 tháng 11 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Chí Đăng – Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền của 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Lê Chí Đăng

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Số: 2.0489/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		461.551.591.370	402.904.884.447
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	170.115.785.388	99.462.233.680
1. Tiền	111		34.968.365.388	39.314.813.680
2. Các khoản tương đương tiền	112		135.147.420.000	60.147.420.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		110.000.000.000	185.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	110.000.000.000	185.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.370.005.478	109.695.529.214
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	166.515.600.101	86.488.134.879
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.038.183.000	13.608.410.952
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	13.967.873.233	14.396.552.214
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.151.650.856)	(4.797.568.831)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.381.217.455	5.530.675.211
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.381.217.455	5.530.675.211
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.684.583.049	3.216.446.342
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.591.577.017	2.617.337.828
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	599.108.514
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	93.006.032	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		305.144.470.916	278.806.079.224
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		84.750.000	84.750.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		84.750.000	84.750.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		194.174.176.145	173.120.788.511
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	119.983.243.179	98.137.531.503
Nguyên giá	222		625.316.866.529	596.474.519.660
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(505.333.623.350)	(498.336.988.157)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	74.190.932.966	74.983.257.008
Nguyên giá	228		101.601.504.441	101.601.504.441
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.410.571.475)	(26.618.247.433)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	1.293.306.480	1.304.512.479
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.293.306.480	1.304.512.479
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		89.518.326.231	85.997.956.139
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	88.897.035.837	85.376.665.745
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.258.600.000	2.258.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(1.637.309.606)	(1.637.309.606)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.073.912.060	18.298.072.095
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	20.073.912.060	18.298.072.095
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		766.696.062.286	681.710.963.671

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		180.734.528.022	58.090.148.016
I. Nợ ngắn hạn	310		174.480.828.022	55.914.948.016
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	40.275.669.983	30.799.851.289
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	14.585.572.236	7.727.590.581
4. Phải trả người lao động	314		2.499.552.093	5.754.259.325
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	12.546.120.415	595.170.861
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	102.237.773.266	7.732.560.931
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	1.631.400.000	543.800.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	704.740.029	2.761.715.029
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.253.700.000	2.175.200.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	6.253.700.000	2.175.200.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		585.961.534.264	623.620.815.655
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	585.961.534.264	623.620.815.655
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.123.448.000	60.123.448.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		103.623.271.921	103.623.271.921
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.754.090.952	100.583.614.486
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.341.984.921	100.583.614.486
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		51.412.106.031	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		21.460.723.391	19.290.481.248
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		766.696.062.286	681.710.963.671

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn-Việt Trường

Giám đốc



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

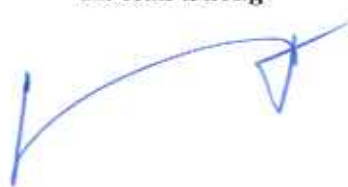
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	201.129.588.683	154.948.230.071
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		201.129.588.683	154.948.230.071
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	126.239.551.278	85.107.595.559
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.890.037.405	69.840.634.512
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.366.051.735	4.771.053.053
7. Chi phí tài chính	22		368.770.656	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		132.210.444	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.520.370.092	3.250.651.617
9. Chi phí bán hàng	25		822.068.545	291.867.160
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	15.674.218.699	18.046.822.700
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.911.401.332	59.523.649.322
12. Thu nhập khác	31	VI.5	1.906.280.076	154.822.267
13. Chi phí khác	32		9.408.400	1.518.542.400
14. Lợi nhuận khác	40		1.896.871.676	(1.363.720.133)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66.808.273.008	58.159.929.189
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	13.083.296.263	12.091.566.538
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		53.724.976.745	46.068.362.651
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		51.412.106.031	45.867.382.334
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.312.870.714	200.980.317
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	1.348	1.181
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	1.348	1.181

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng



Nguyễn Viết Trường

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Giám đốc



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		66.808.273.008	58.159.929.189
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	13.825.710.135	15.391.497.036
- Các khoản dự phòng	03	V.6	1.354.082.025	3.470.985.812
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.465.927.557)	(8.021.744.150)
- Chi phí lãi vay	06		132.210.444	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		73.654.348.055	69.000.667.887
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(75.605.502.003)	(91.121.228.181)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.149.457.756	4.287.218.519
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		22.251.251.298	(5.740.040.681)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(750.079.154)	(4.384.768.114)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(132.210.444)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(6.597.616.275)	(5.151.298.238)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(2.661.233.136)	(2.734.382.163)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.308.416.097	(35.843.830.971)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(30.500.350.925)	(941.336.222)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.194.150.000	797.357.847
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(90.000.000.000)	(225.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		165.000.000.000	85.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.626.212.816	3.444.648.123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		53.320.011.891	(136.699.330.252)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	5.438.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(271.900.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(140.976.280)	(1.671.892.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.025.123.720	(1.671.892.920)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		70.653.551.708	(174.215.054.143)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	99.462.233.680	234.879.103.936
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	170.115.785.388	60.664.049.793

Người lập biểu

Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Viết Trường

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Giám đốc



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong kỳ, nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 43 Đường N2, KDC Nega Village, Khu phố 3, Phường Long Trường, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận chuyển. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

5c. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Phù Lãng, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 93 nhân viên đang làm việc trong nhóm Công ty (số đầu năm là 84 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của nhóm Công ty chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm phương tiện

Chi phí bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 6
Tài sản cố định khác	02 - 6

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03-04 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	419.861.320	450.230.825
Tiền gửi ngân hàng	34.548.504.068	38.864.582.855
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	135.147.420.000	60.147.420.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	110.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	25.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	147.420.000	147.420.000
Cộng	170.115.785.388	99.462.233.680

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số dư cuối kỳ là các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP kỳ hạn 06 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc, lãi suất từ 2,9% đến 4,4%/năm. Chi tiết số dư như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Nam Á	80.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	20.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	110.000.000.000	185.000.000.000

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty mẹ sở hữu 2.523.400 cổ phần, mệnh giá là 25.234.000.000 VND tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	78.225.400.000	78.225.400.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	10.671.635.837	7.151.265.745
Cộng	88.897.035.837	85.376.665.745

Giá trị phần sở hữu của nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	85.376.665.745	83.707.440.096
Lợi nhuận trong kỳ	3.520.370.092	3.250.651.617
Số cuối kỳ	88.897.035.837	86.958.091.713

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty con, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh	2.258.600.000	(1.637.309.606)	2.258.600.000	(1.637.309.606)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nhóm Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,72% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>156.652.786.391</i>	<i>77.471.046.360</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	156.652.786.391	77.458.842.360
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	4.266.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	-	7.938.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>9.862.813.710</i>	<i>9.017.088.519</i>
Cộng	166.515.600.101	86.488.134.879

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng – Bên liên quan	1.179.000.000	2.358.000.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>859.183.000</i>	<i>11.250.410.952</i>
Công ty TNHH Heavy Transport Nguyên Lợi	-	6.000.000.000
Liebherr-Mectec Rostock GMBH	-	4.603.932.000
Các nhà cung cấp khác	859.183.000	646.478.952
Cộng	2.038.183.000	13.608.410.952

5. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.136.293.302</i>	-	<i>923.209.570</i>	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - thu chi hộ	2.136.293.302	-	923.209.570	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.831.579.931</i>	<i>(4.836.731.579)</i>	<i>13.473.342.644</i>	<i>(3.489.345.554)</i>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.269.150.676	-	4.801.336.103	-
Tạm ứng	1.895.553.007	-	1.267.892.162	-
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
Các khoản chi hộ	468.653.913	(11.811.925)	143.045.762	(11.811.925)
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng ^(*)	6.736.930.124	(4.715.851.087)	6.736.930.124	(3.368.465.062)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.361.292.211	(109.068.567)	424.138.493	(109.068.567)
Cộng	13.967.873.233	(4.836.731.579)	14.396.552.214	(3.489.345.554)

- (*) Phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng theo các quyết định của Tòa án liên quan đến vụ việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái và hợp đồng gửi giữ hàng hóa giữa Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái, theo đó Công ty phải thu Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng số tiền 6.736.930.124 VND (bao gồm tiền thuê và tiền lãi). Do Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Bản án và các quyết định thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh đã ban hành Quyết định số 67/QĐ-CCTHADS ngày 8/5/2023 về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với Ông Nguyễn Hoàng Hải – Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu khó đòi**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng	Từ >2-3 năm	6.736.930.124	(4.715.851.087)	Từ >1-2 năm	6.736.930.124	(3.368.465.062)
Các khách hàng khác	Trên 03 năm	1.435.799.769	(1.435.799.769)	Trên 03 năm	1.429.103.769	(1.429.103.769)
Cộng		8.172.729.893	(6.151.650.856)		8.166.033.893	(4.797.568.831)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.797.568.831	1.216.575.019
Trích lập dự phòng trong kỳ	1.354.082.025	3.470.985.812
Số cuối kỳ	6.151.650.856	4.687.560.831

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.381.217.455	4.207.217.455
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	1.323.457.756
Cộng	3.381.217.455	5.530.675.211

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm phương tiện	560.922.867	319.483.707
Phí đường bộ	198.363.916	197.627.900
Chi phí thuê đất	430.532.640	-
Chi phí sửa chữa	371.674.798	2.081.410.332
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	30.082.796	18.815.889
Cộng	1.591.577.017	2.617.337.828

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.464.315.195	2.951.994.786
Chi phí sửa chữa cầu	7.714.433.930	3.329.173.138
Chi phí sửa chữa hệ thống ray	9.858.350.972	11.970.854.750
Các chi phí trả trước dài hạn khác	36.811.963	46.049.421
Cộng	20.073.912.060	18.298.072.095

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	195.087.317.394	341.622.022.079	56.549.832.972	1.899.806.937	1.315.540.278	596.474.519.660
Mua trong kỳ	-	23.980.292.232	11.294.496.692	-	-	35.274.788.924
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.432.442.055)	-	-	(6.432.442.055)
Số cuối kỳ	195.087.317.394	365.602.314.311	61.411.887.609	1.899.806.937	1.315.540.278	625.316.866.529
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.255.215.546	232.449.170.257	-	882.072.937	347.571.500	281.934.030.240
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	124.953.472.800	331.024.065.386	40.365.981.110	1.236.095.561	757.373.300	498.336.988.157
Khấu hao trong kỳ	3.450.852.270	5.983.466.130	3.290.629.427	226.477.906	81.960.360	13.033.386.093
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(6.036.750.900)	-	-	(6.036.750.900)
Số cuối kỳ	128.404.325.070	337.007.531.516	37.619.859.637	1.462.573.467	839.333.660	505.333.623.350
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	70.133.844.594	10.597.956.693	16.183.851.862	663.711.376	558.166.978	98.137.531.503
Số cuối kỳ	66.682.992.324	28.594.782.795	23.792.027.972	437.233.470	476.206.618	119.983.243.179
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	101.262.004.441	339.500.000	101.601.504.441
Số cuối kỳ	101.262.004.441	339.500.000	101.601.504.441
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	339.500.000	339.500.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	26.278.747.433	339.500.000	26.618.247.433
Khấu hao trong kỳ	792.324.042	-	792.324.042
Số cuối kỳ	27.071.071.475	339.500.000	27.410.571.475
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	74.983.257.008	-	74.983.257.008
Số cuối kỳ	74.190.932.966	-	74.190.932.966
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	124.061.666	35.197.224.789	(35.274.788.924)	46.497.531
Xây dựng cơ bản dở dang	553.543.848	-	-	553.543.848
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	626.906.965	66.358.136	-	693.265.101
Cộng	1.304.512.479	35.263.582.925	(35.274.788.924)	1.293.306.480

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	16.895.394.040	12.441.928.717
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	8.023.816	38.400.487
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	3.894.797.824	868.227.638
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	-	636.448.106
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	-	50.300.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	-	14.580.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	223.383.000	223.383.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	-	164.176.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	12.769.189.400	10.446.413.486
Phải trả các nhà cung cấp khác	23.380.275.943	18.357.922.572
Công ty TNHH Heavy Transport Nguyên Lợi	6.620.000.000	-
Hộ kinh doanh Sơn Tuyền	5.914.737.360	6.932.687.790
Các nhà cung cấp khác	10.845.538.583	11.425.234.782
Cộng	40.275.669.983	30.799.851.289

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	745.626.658	3.354.432.617	(2.524.103.392)	1.575.955.883	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.847.588.198	(1.847.588.198)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.452.256.275	13.083.296.264	(6.597.616.275)	12.937.936.264	-
Thuế thu nhập cá nhân	529.707.648	742.273.730	(1.293.307.320)	71.680.090	93.006.032
Thuế nhà thầu	-	23.874.969	(23.874.969)	-	-
Thuế nhà đất	-	15.499.175	(15.499.175)	-	-
Tiền thuê đất	-	861.065.280	(861.065.280)	-	-
Lệ phí môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Cộng	7.727.590.581	19.934.030.233	(13.169.054.609)	14.585.572.237	93.006.032

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ cung cấp cho các hãng tàu nước ngoài

0%

Các dịch vụ khác

8%, 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong nhóm công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Công ty trong nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho diện tích 59.796,2 m² tại phường Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh với mục đích đầu tư xây dựng cảng với giá thuê cho năm 2025 là 14.400VND/m²

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả chi phí vận chuyển các bên liên quan	10.139.910.230	197.499.260
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng	1.239.910.230	197.499.260
Hồng Ngọc Phú Quốc	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng miền Trung	8.900.000.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.406.210.185	397.671.601
Chi phí lãi vay	-	3.039.320
Chi phí vận chuyển, nâng hạ, bốc xếp	2.406.210.185	386.317.929
Chi phí phải trả khác	-	8.314.352
Cộng	12.546.120.415	595.170.861

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>46.845.146.000</i>	<i>335.965.000</i>
Cổ tức phải trả	46.597.961.400	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn	23.272.173.900	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong	20.021.662.500	-
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	3.304.125.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc - Thu chi hộ	85.184.600	173.965.000
Thù lao HĐQT, BKS	162.000.000	162.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>55.392.627.266</i>	<i>7.396.595.931</i>
Kinh phí công đoàn	78.691.230	38.209.244
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	11.360.682	4.128.734
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	3.900.641.760	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	507.550.000	566.550.000
Cổ tức phải trả	49.667.658.955	5.626.596.635
Các khoản chi hộ	982.666.332	1.133.257.286
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	244.058.307	27.854.032
Cộng	102.237.773.266	7.732.560.931

16. Vay

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng ký ngày 16/10/2024 và ngày 11/04/2025 để đầu tư các tài sản cố định là 15 xe dầu kéo, thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất khoản vay là 6,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả nợ khoản vay.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.631.400.000	543.800.000
Trên 1 năm đến 5 năm	6.253.700.000	2.175.200.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	7.885.100.000	2.719.000.000

Chi tiết số phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	543.800.000	2.175.200.000	2.719.000.000
Số tiền vay phát sinh	-	5.438.000.000	5.438.000.000
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	1.359.500.000	(1.359.500.000)	-
Số tiền vay đã trả	(271.900.000)	-	(271.900.000)
Số cuối kỳ	1.631.400.000	6.253.700.000	7.885.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.275.294.490	-	(1.713.000.000)	562.294.490
Quỹ phúc lợi	481.560.657	312.000.000	(655.975.000)	137.585.657
Quỹ thưởng Ban điều hành	4.859.882	292.258.136	(292.258.136)	4.859.882
Cộng	2.761.715.029	604.258.136	(2.661.233.136)	704.740.029

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Kỳ trước						
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	96.754.375.918	18.230.174.445	618.731.270.284
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	45.867.382.334	200.980.317	46.068.362.651
Chia cổ tức	-	-	-	(88.400.000.000)	-	(88.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(349.382.163)	-	(349.382.163)
Số dư cuối kỳ	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	53.872.376.089	18.431.154.762	576.050.250.772
Kỳ này						
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	100.583.614.486	19.290.481.248	623.620.815.655
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	51.412.106.030	2.312.870.714	53.724.976.744
Chia cổ tức	-	-	-	(90.780.000.000)	-	(90.780.000.000)
Công ty mẹ trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(292.258.136)	-	(292.258.136)
Công ty con trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(169.371.429)	(142.628.571)	(312.000.000)
Số dư cuối kỳ	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	60.754.090.951	21.460.723.391	585.961.534.263

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Cộng	340.000.000.000	340.000.000.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, nhóm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

	Công ty mẹ	Công ty con
✓ Chia cổ tức cho các cổ đông	90.780.000.000	-
✓ Quỹ khen thưởng Ban điều hành	292.258.136	312.000.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 3.695,28 USD (số đầu năm là 3.701,88 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	76.500.000.000	75.000.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	11.305.229.664	11.900.241.756
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	111.848.103.019	57.666.310.130
Doanh thu hàng hóa đã bán	-	588.282.710
Doanh thu dịch vụ khác	1.476.256.000	9.793.395.475
Cộng	201.129.588.683	154.948.230.071

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Nhóm Công ty phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	76.500.000.000	75.000.000.000
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	11.305.229.664	11.900.241.756
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	101.783.271.852	55.305.199.495
Doanh thu dịch vụ khác	1.476.256.000	6.645.034.365
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các Công ty:		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	-	314.080.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng	111.000.000	-
Hồng Ngọc Phú Quốc		
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	-	93.390.000

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cho thuê cảng biển	9.783.235.621	8.820.154.743
Giá vốn dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	10.973.502.532	8.558.728.074
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	104.575.010.684	60.354.296.564
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	576.822.039
Giá vốn dịch vụ khác	907.802.441	6.797.594.139
Cộng	126.239.551.278	85.107.595.559

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.094.027.389	4.616.270.266
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tương đương tiền	266.812.418	154.782.787
Lãi chênh lệch tỉ giá phát sinh	5.211.928	-
Cộng	3.366.051.735	4.771.053.053

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.695.305.443	7.762.575.137
Chi phí vật liệu quản lý	79.472.669	68.376.190
Chi phí đồ dùng văn phòng	151.487.969	176.835.432
Chi phí khấu hao tài sản cố định	944.834.602	1.048.759.541
Thuế, phí và lệ phí	21.499.175	21.499.175
Dự phòng phải thu khó đòi	1.354.082.025	3.470.985.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.771.269.681	2.312.271.723
Các chi phí khác	3.656.267.135	3.185.519.690
Cộng	15.674.218.699	18.046.822.700

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thanh lý vật tư phế liệu	179.750.000	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.726.530.076	154.822.267
Cộng	1.906.280.076	154.822.267

6. Lãi trên cổ phiếu

6a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	51.412.106.030	45.867.382.334
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.593.457.143)	(4.723.150.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	45.818.648.887	40.144.232.334
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	34.000.000	34.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.348	1.181

Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành được tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của từng Công ty trong nhóm Công ty.

6b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.073.173.186	10.710.163.830
Chi phí nhân công	16.233.621.999	15.191.844.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.825.710.135	15.391.497.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.814.014.207	48.090.789.351
Dự phòng phải thu khó đòi	1.354.082.025	3.470.985.812
Chi phí khác	5.435.236.970	10.014.183.004
Cộng	142.735.838.522	102.869.463.380

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối đa trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	150.000.000.000	150.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	525.000.000.000	675.000.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	675.000.000.000	825.000.000.000

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong kỳ là 76.500.000.000 VND (Kỳ trước là 75.000.000.000 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.15.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Hội đồng quản trị					
Nguyễn Thành Sơn	Chủ tịch	231.000.000	383.128.550	-	614.128.550
Tạ Cao Thái	Phó Chủ tịch	-	42.300.520	60.000.000	102.300.520
Lê Chí Đăng	Thành viên/Giám đốc	223.485.294	365.955.018	36.000.000	625.440.312
Phạm Hiếu Đạo	Thành viên/Phó Giám đốc	187.121.648	282.755.018	36.000.000	505.876.666
Nguyễn-Huỳnh-Mai	Thành viên	-	34.609.516	36.000.000	70.609.516
Nguyễn Châu Bảo	Thành viên	-	34.609.516	36.000.000	70.609.516
Hoàng Đức Thịnh	Thành viên	-	34.609.516	36.000.000	70.609.516
Ban Kiểm soát					
Dỗ Thanh Thành	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	30.000.000	30.000.000
Lê Hải Nam	Thành viên	-	-	27.000.000	27.000.000
Lê Thị Đoàn Trang	Thành viên	-	-	27.000.000	27.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ban Giám đốc					
Hoàng Minh Thảo	Phó Giám đốc	193.289.363	244.300.000	-	437.589.363
Nguyễn Viết Trường	Kế toán trưởng	161.099.866	250.418.512	-	411.518.378
Cộng		995.996.171	1.672.686.166	324.000.000	2.992.682.337

Kỳ trước

Hội đồng quản trị

Nguyễn Thành Sơn	Chủ tịch (từ 03/06/2024)	38.500.000	11.000.000	-	49.500.000
Nguyễn Phương Nam	Chủ tịch (đến 03/06/2024)	-	53.676.031	50.700.000	104.376.031
Tạ Cao Thái	Phó Chủ tịch	-	27.434.416	60.000.000	87.434.416
Lê Chí Đăng	Thành viên/Giám đốc	216.792.763	371.296.391	36.000.000	624.089.154
Phạm Hiếu Đạo	Thành viên/ Phó Giám đốc	175.254.533	288.096.391	36.000.000	499.350.924
Nguyễn Huỳnh Mai	Thành viên	-	43.916.752	36.000.000	79.916.752
Nguyễn Châu Bảo	Thành viên	-	43.916.752	36.000.000	79.916.752
Hoàng Đức Thịnh	Thành viên	-	22.446.340	36.000.000	58.446.340

Ban Kiểm soát

Đỗ Thanh Thành	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	30.000.000	30.000.000
Lê Hải Nam	Thành viên	-	-	27.000.000	27.000.000
Lê Thị Đoàn Trang	Thành viên	-	-	27.000.000	27.000.000

Ban Giám đốc

Hoàng Minh Thảo	Phó Giám đốc (từ 03/6/2024)	31.422.600	44.000.000	-	75.422.600
Nguyễn Viết Trường	Kế toán trưởng	153.460.030	252.657.475	-	406.117.505
Cộng		615.429.926	1.158.440.548	374.700.000	2.148.570.474

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn ("TCTy")
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng ("DVKT")
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng ("KVTC")
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái

Mối quan hệ

Cổ đông lớn (sở hữu 25,64%)
Cổ đông lớn (sở hữu 22,06%)
Cổ đông (sở hữu 4,64%)
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty con của TCTy
Công ty con của DVKT
Công ty con của TCTy
Công ty con của TCTy
Công ty con của TCTy
Công ty con của KVTC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty con của TCty
Công ty Cổ phần Tân Cảng miền Trung	Công ty con của TCty
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Đồng Nai	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chia cổ tức cho các bên liên quan:		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	23.272.173.900	22.662.042.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong	20.021.662.500	19.496.750.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	3.304.125.000	3.217.500.000
Chi phí mua hàng và sử dụng dịch vụ của các Bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	101.797.832	38.682.717
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	-	9.685.185
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	-	27.687.963
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	17.324.979.682	21.128.947.081
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng - Đồng Nai	-	21.881.818
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân cảng	1.455.291.808	754.125.274
Công ty TNHH Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	14.437.037	14.625.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	35.860.000	66.410.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	30.250.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng miền Trung	8.900.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ nhóm Công ty cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cảng biển và dịch vụ phụ trợ
- Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:			
	Lĩnh vực cho thuê cảng biển và dịch vụ phụ trợ	Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	89.281.485.664	111.848.103.019	201.129.588.683
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	89.281.485.664	111.848.103.019	201.129.588.683
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	67.616.945.070	7.273.092.335	74.890.037.405
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(16.496.287.244)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			58.393.750.161
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			3.520.370.092
Doanh thu hoạt động tài chính			3.366.051.735
Chi phí tài chính			(368.770.656)
Thu nhập khác			1.906.280.076
Chi phí khác			(9.408.400)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(13.083.296.264)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			53.724.976.744
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	23.980.292.232	11.294.496.692	35.274.788.924
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.667.169.180	6.556.515.481	18.223.684.661
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	97.281.919.941	57.666.310.130	154.948.230.071
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.281.919.941	57.666.310.130	154.948.230.071
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	73.105.442.985	(3.264.808.473)	69.840.634.512
Các chi phí không phân-bổ theo bộ phận			(18.338.689.860)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			51.501.944.652
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			3.250.651.617
Doanh thu hoạt động tài chính			4.771.053.053
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			154.822.267
Chi phí khác			(1.518.542.400)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuê cảng biển và dịch vụ phụ trợ	Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(12.091.566.538)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			46.068.362.651
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	272.213.124	-	272.213.124
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.661.120.535	5.109.869.929	14.770.990.464
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:			
	Lĩnh vực cho thuê cảng biển và dịch vụ phụ trợ	Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	680.499.414.997	86.196.647.289	766.696.062.286
Tổng tài sản			766.696.062.286
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	120.183.461.632	62.151.066.391	182.334.528.023
Tổng nợ phải trả			182.334.528.023
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	606.362.586.666	75.348.377.005	681.710.963.671
Tổng tài sản			681.710.963.671
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.939.698.739	33.150.449.277	58.090.148.016
Tổng nợ phải trả			58.090.148.016

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của nhóm Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực nội địa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

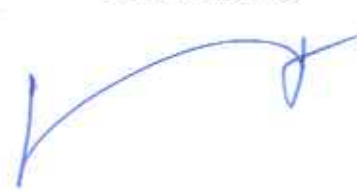
Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Trường

Giám đốc



Lê Chí Đăng



**INTERIM CONSOLIDATED
FINANCIAL STATEMENTS**
FOR THE FIRST 6 MONTHS OF THE FISCAL YEAR
ENDED 31 DECEMBER 2025

**CAT LAI PORT
JOINT STOCK COMPANY**

CONTENTS

	Page
1. Contents	1
2. Statement of the Board of Management	2 - 3
3. Report on Review of Interim Financial Information	4
4. Interim Consolidated Balance Sheet as at 30 June 2025	5 - 8
5. Interim Consolidated Income Statement for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025	9
6. Interim Consolidated Cash Flow Statement for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025	10 - 11
7. Notes to the Interim Consolidated Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025	12 - 37



STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Cat Lai Port Joint Stock Company (hereinafter referred to as “the Company”) presents this statement together with the Interim Consolidated Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025, including the Interim Financial Statements of the Parent Company and its subsidiary (hereinafter collectively referred to as “the Group”).

Business highlights

Cat Lai Port Joint Stock Company operates in accordance with the 1st Business Registration Certificate No. 0305168938 dated 27 August 2007, granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

During its operation, the Company has been granted 11 amendments to its Business Registration Certificates by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, regarding the supplement of business activities and charter capital, the changes in the Company’s legal representative and address, in which the 11th amended Business Registration Certificate dated 29 March 2024 was due to the change in the legal representative’s information.

Head office

- Address : Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Tel. : 0283 7 423 499 – 0283 7 423 501 – 0283 7 423 502
- Fax : 0283 7 423 500
- Email : info@catlaiport.com.vn
- Website : www.catlaiport.com.vn

Business address: No. 50 Nguyen Van Kinh, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City.

The principal business activities of the Company include shipping agency services, sea transport agency services, maritime brokerage services, ship towage services, cargo loading and unloading services at seaports, and international multimodal transport services.

Board of Directors and Executive Officers

The members of the Board of Directors, the Board of Supervisors, the Board of Management and the Chief Accountant of the Company during the period and as of the date of this statement include:

Board of Directors

Full name	Position	Date of appointment/re-appointment
Mr. Nguyen Thanh Son	Chairman	Appointed on 3 June 2024
Mr. Ta Cao Thai	Vice Chairman	Appointed on 27 June 2023
Mr. Le Chi Dang	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Pham Hieu Dao	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Nguyen Chau Bao	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Ms. Nguyen Huynh Mai	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Hoang Duc Thinh	Member	Appointed on 27 June 2023

Board of Supervisors (“BOS”)

Full name	Position	Date of appointment/re-appointment
Mr. Do Thanh Thanh	Head of BOS	Re-appointed on 27 June 2023
Mr. Le Hai Nam	Member	Re-appointed on 27 June 2023
Ms. Le Thi Doan Trang	Member	Appointed on 27 June 2023

Board of Management and Chief Accountant

Full name	Position	Date of appointment
Mr. Le Chi Dang	Director	19 April 2019
Mr. Pham Hieu Dao	Deputy Director	19 April 2019
Mr. Hoang Minh Thao	Deputy Director	3 June 2024
Mr. Nguyen Viet Truong	Chief Accountant	29 November 2019

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY
STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT (cont.)

Legal representative

The legal representative of the Company during the period and as of the date of this statement is Mr. Le Chi Dang – Director.

Auditor

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to perform the review on the Interim Consolidated Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 of the Group.

Responsibilities of the Board of Management

The Board of Management is responsible for the preparation of the Interim Consolidated Financial Statements to give a true and fair view on the consolidated financial position, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows of the Group during the period. In order to prepare these Interim Consolidated Financial Statements, the Board of Management must:

- select appropriate accounting policies and apply them consistently;
- make judgments and estimates reasonably and prudently;
- state clearly whether the accounting standards applied to the Group are followed or not, and all the material differences from these standards are disclosed and explained in the Interim Consolidated Financial Statements;
- prepare the Interim Consolidated Financial Statements of the Group on the going-concern basis, except for the cases that the going-concern assumption is considered inappropriate; and
- design and implement effectively the internal control system to minimize the risks of material misstatements due to frauds or errors in the preparation and presentation of the Interim Consolidated Financial Statements.

The Board of Management hereby ensures that all the proper accounting books of the Group have been fully recorded and can fairly reflect the financial position of the Group at any time, and that all the accounting books have been prepared in compliance with the applicable Accounting System. The Board of Management is also responsible for managing the Group's assets and consequently has taken appropriate measures to prevent and detect frauds and other irregularities.

The Board of Management hereby commits to the compliance with the aforementioned requirements in preparation of the Interim Consolidated Financial Statements.

Approval on the Consolidated Financial Statements

The Board of Management hereby approves the accompanying Interim Consolidated Financial Statements, which give a true and fair view of the consolidated financial position as at 30 June 2025, the consolidated financial performance and the consolidated cash flows for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 of the Group, in conformity with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

For and on behalf of the Board of Management,



Le Chi Dang
12 August 2025

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot SH 05A/01, St. No. 13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn

No. 2.0489/25/TC-AC



www.a-c.com.vn

REPORT ON REVIEW OF INTERIM FINANCIAL INFORMATION

THE SHAREHOLDERS, THE BOARD OF DIRECTORS AND THE BOARD OF MANAGEMENT CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

We have reviewed the accompanying Interim Consolidated Financial Statements of Cat Lai Port Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") and its subsidiary (hereinafter referred to as "the Group"), which were prepared on 12 August 2025, from page 5 to page 37, including the Interim Consolidated Balance Sheet as at 30 June 2025, the Interim Consolidated Income Statement, the Interim Consolidated Cash Flow Statement for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 and the Notes to the Interim Consolidated Financial Statements.

Responsibility of the Board of Management

The Company's Board of Management is responsible for the preparation, true and fair presentation of the Interim Consolidated Financial Statements of the Group in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements; and responsible for the internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation and presentation of the Interim Consolidated Financial Statements to be free from material misstatement due to fraud or error.

Responsibility of Auditors

Our responsibility is to express a conclusion on the Interim Consolidated Financial Statements based on our review. We conducted our review in accordance with the Vietnamese Standard on Review Engagements No. 2410 – Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with the Vietnamese Standards on Auditing and therefore, it does not enable us to obtain a reasonable assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express our audit opinion.

Conclusion of Auditors

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying Interim Consolidated Financial Statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position as at 30 June 2025 of Cat Lai Port Joint Stock Group and its subsidiary, their consolidated financial performance and their consolidated cash flows for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025, in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

Other matter

The Report on review of the Group's Interim Consolidated Financial Statements for the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025 has been prepared in both Vietnamese and English. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

For and on behalf of

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.

Hanoi Branch



Le Van Khoa - Partner

Audit Practice Registration Certificate: No. 1794-2023-008-1

Authorized Signatory

Hanoi, 12 August 2025

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

INTERIM CONSOLIDATED BALANCE SHEET

(Full form)

As at 30 June 2025

Unit: VND

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
A - CURRENT ASSETS	100		461,551,591,370	402,904,884,447
I. Cash and cash equivalents	110	V.1	170,115,785,388	99,462,233,680
1. Cash	111		34,968,365,388	39,314,813,680
2. Cash equivalents	112		135,147,420,000	60,147,420,000
II. Short-term financial investments	120		110,000,000,000	185,000,000,000
1. Trading securities	121		-	-
2. Provisions for diminution in value of trading securities	122		-	-
3. Held-to-maturity investments	123	V.2a	110,000,000,000	185,000,000,000
III. Short-term receivables	130		176,370,005,478	109,695,529,214
1. Short-term trade receivables	131	V.3	166,515,600,101	86,488,134,879
2. Short-term prepayments to suppliers	132	V.4	2,038,183,000	13,608,410,952
3. Short-term inter-company receivables	133		-	-
4. Receivables based on the progress of construction contracts	134		-	-
5. Receivables for short-term loans	135		-	-
6. Other short-term receivables	136	V.5	13,967,873,233	14,396,552,214
7. Allowance for short-term doubtful debts	137	V.6	(6,151,650,856)	(4,797,568,831)
8. Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
IV. Inventories	140		3,381,217,455	5,530,675,211
1. Inventories	141	V.7	3,381,217,455	5,530,675,211
2. Allowance for devaluation of inventories	149		-	-
V. Other current assets	150		1,684,583,049	3,216,446,342
1. Short-term prepaid expenses	151	V.8a	1,591,577,017	2,617,337,828
2. Deductible VAT	152		-	599,108,514
3. Taxes and other receivables from the State	153	V.13	93,006,032	-
4. Trading Government bonds	154		-	-
5. Other current assets	155		-	-

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Consolidated Balance Sheet (cont.)

ASSETS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
B - NON-CURRENT ASSETS	200		305,144,470,916	278,806,079,224
I. Long-term receivables	210		84,750,000	84,750,000
1. Long-term trade receivables	211		-	-
2. Long-term prepayments to suppliers	212		-	-
3. Working capital in affiliates	213		-	-
4. Long-term inter-company receivables	214		-	-
5. Receivables for long-term loans	215		-	-
6. Other long-term receivables	216		84,750,000	84,750,000
7. Allowance for long-term doubtful debts	219		-	-
II. Fixed assets	220		194,174,176,145	173,120,788,511
1. Tangible fixed assets	221	V.9	119,983,243,179	98,137,531,503
<i>Historical costs</i>	222		625,316,866,529	596,474,519,660
<i>Accumulated depreciation</i>	223		(505,333,623,350)	(498,336,988,157)
2. Finance lease assets	224		-	-
<i>Historical costs</i>	225		-	-
<i>Accumulated depreciation</i>	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227	V.10	74,190,932,966	74,983,257,008
<i>Historical costs</i>	228		101,601,504,441	101,601,504,441
<i>Accumulated amortization</i>	229		(27,410,571,475)	(26,618,247,433)
III. Investment properties	230		-	-
Historical costs	231		-	-
Accumulated depreciation	232		-	-
IV. Long-term assets in progress	240	V.11	1,293,306,480	1,304,512,479
1. Long-term work in progress	241		-	-
2. Construction-in-progress	242		1,293,306,480	1,304,512,479
V. Long-term financial investments	250		89,518,326,231	85,997,956,139
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252	V.2b	88,897,035,837	85,376,665,745
3. Investments in other entities	253	V.2c	2,258,600,000	2,258,600,000
4. Provisions for diminution in value of long-term financial investments	254	V.2c	(1,637,309,606)	(1,637,309,606)
5. Held-to-maturity investments	255		-	-
VI. Other non-current assets	260		20,073,912,060	18,298,072,095
1. Long-term prepaid expenses	261	V.8b	20,073,912,060	18,298,072,095
2. Deferred income tax assets	262		-	-
3. Long-term components and spare parts	263		-	-
4. Other non-current assets	268		-	-
5. Goodwill	269		-	-
TOTAL ASSETS	270		766,696,062,286	681,710,963,671

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
C - LIABILITIES	300		180,734,528,022	58,090,148,016
I. Current liabilities	310		174,480,828,022	55,914,948,016
1. Short-term trade payables	311	V.12	40,275,669,983	30,799,851,289
2. Short-term advances from customers	312		-	-
3. Taxes and other obligations to the State Budget	313	V.13	14,585,572,236	7,727,590,581
4. Payables to employees	314		2,499,552,093	5,754,259,325
5. Short-term accrued expenses	315	V.14	12,546,120,415	595,170,861
6. Short-term inter-company payables	316		-	-
7. Payables based on the progress of construction contracts	317		-	-
8. Short-term unearned revenue	318		-	-
9. Other short-term payables	319	V.15	102,237,773,266	7,732,560,931
10. Short-term borrowings and finance leases	320	V.16	1,631,400,000	543,800,000
11. Short-term provisions	321		-	-
12. Bonus and welfare funds	322	V.17	704,740,029	2,761,715,029
13. Price stabilization fund	323		-	-
14. Trading Government bonds	324		-	-
II. Non-current liabilities	330		6,253,700,000	2,175,200,000
1. Long-term trade payables	331		-	-
2. Long-term advances from customers	332		-	-
3. Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Inter-company payables for working capital	334		-	-
5. Long-term inter-company payables	335		-	-
6. Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Other long-term payables	337		-	-
8. Long-term borrowings and finance leases	338	V.16	6,253,700,000	2,175,200,000
9. Convertible bonds	339		-	-
10. Preferred shares	340		-	-
11. Deferred income tax liabilities	341		-	-
12. Long-term provisions	342		-	-
13. Science and technology development fund	343		-	-

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Consolidated Balance Sheet (cont.)

RESOURCES	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
D - OWNER'S EQUITY	400		585,961,534,264	623,620,815,655
I. Owner's equity	410	V.17	585,961,534,264	623,620,815,655
1. Owner's contribution capital	411		340,000,000,000	340,000,000,000
- Ordinary shares carrying voting right	411a		340,000,000,000	340,000,000,000
- Preferred shares	411b		-	-
2. Share premiums	412		60,123,448,000	60,123,448,000
3. Bond conversion options	413		-	-
4. Other sources of capital	414		-	-
5. Treasury shares	415		-	-
6. Differences on asset revaluation	416		-	-
7. Foreign exchange differences	417		-	-
8. Investment and development fund	418		103,623,271,921	103,623,271,921
9. Business arrangement supporting fund	419		-	-
10. Other funds	420		-	-
11. Retained earnings	421		60,754,090,952	100,583,614,486
- Retained earnings accumulated to the end of the previous period	421a		9,341,984,921	100,583,614,486
- Retained earnings of the current period	421b		51,412,106,031	-
12. Construction investment fund	422		-	-
13. Non-controlling interests	429		21,460,723,391	19,290,481,248
II. Other sources and funds	430		-	-
1. Sources of expenditure	431		-	-
2. Fund to form fixed assets	432		-	-
TOTAL RESOURCES	440		766,696,062,286	681,710,963,671

Prepared on 12 August 2025

Prepared by



Vo Thai Hau

Chief Accountant



Nguyen Viet Truong

Director



Le Chi Dang

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

INTERIM CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

(Full form)

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services	01	VI.1	201,129,588,683	154,948,230,071
2. Revenue deductions	02		-	-
3. Net revenue from sales of merchandise and rendering of services	10		201,129,588,683	154,948,230,071
4. Costs of sales	11	VI.2	126,239,551,278	85,107,595,559
5. Gross profit/ (loss) from sales of merchandise and rendering of services	20		74,890,037,405	69,840,634,512
6. Financial income	21	VI.3	3,366,051,735	4,771,053,053
7. Financial expenses	22		368,770,656	-
In which: Interest expenses	23		132,210,444	-
8. Profit/ (loss) in joint ventures, associates	24		3,520,370,092	3,250,651,617
9. Selling expenses	25		822,068,545	291,867,160
10. General and administration expenses	26	VI.4	15,674,218,699	18,046,822,700
11. Net operating profit/ (loss)	30		64,911,401,332	59,523,649,322
12. Other income	31	VI.5	1,906,280,076	154,822,267
13. Other expenses	32		9,408,400	1,518,542,400
14. Other profit/ (loss)	40		1,896,871,676	(1,363,720,133)
15. Total accounting profit/ (loss) before tax	50		66,808,273,008	58,159,929,189
16. Current income tax	51	V.13	13,083,296,263	12,091,566,538
17. Deferred income tax	52		-	-
18. Profit/ (loss) after tax	60		53,724,976,745	46,068,362,651
19. Profit/ (loss) after tax of the Parent Company	61		51,412,106,031	45,867,382,334
20. Profit/ (loss) after tax of non-controlling shareholders	62		2,312,870,714	200,980,317
21. Basic earnings per share	70	VI.6	1,348	1,181
22. Diluted earnings per share	71	VI.6	1,348	1,181

Prepared on 12 August 2025

Prepared by

Chief Accountant

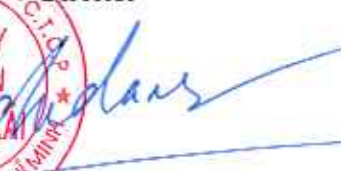
Director



Vo Thai Hau



Nguyen Viet Truong



 Le Chi Dang

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

INTERIM CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

(Full form)

(Indirect method)

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit/ (loss) before tax	01		66,808,273,008	58,159,929,189
2. Adjustments				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	V.9, V.10	13,825,710,135	15,391,497,036
- Provisions and allowances	03	V.6	1,354,082,025	3,470,985,812
- Exchange (gain)/ loss due to revaluation of monetary items in foreign currencies	04		-	-
- (Gain)/ loss from investing activities	05		(8,465,927,557)	(8,021,744,150)
- Interest expenses	06		132,210,444	-
- Others	07		-	-
3. Operating profit/ (loss) before changes in working capital	08		73,654,348,055	69,000,667,887
- (Increase)/ decrease in receivables	09		(75,605,502,003)	(91,121,228,181)
- (Increase)/ decrease in inventories	10		2,149,457,756	4,287,218,519
- Increase/ (decrease) in payables	11		22,251,251,298	(5,740,040,681)
- (Increase)/ decrease in prepaid expenses	12		(750,079,154)	(4,384,768,114)
- (Increase)/ decrease in trading securities	13		-	-
- Interests paid	14		(132,210,444)	-
- Corporate income tax paid	15	V.13	(6,597,616,275)	(5,151,298,238)
- Other cash inflows from operating activities	16		-	-
- Other cash outflows from operating activities	17	V.17	(2,661,233,136)	(2,734,382,163)
Net cash flows from operating activities	20		12,308,416,097	(35,843,830,971)
II. Cash flows from investing activities				
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21		(30,500,350,925)	(941,336,222)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22		2,194,150,000	797,357,847
3. Cash outflows for lending, buying debt instruments of other entities	23		(90,000,000,000)	(225,000,000,000)
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24		165,000,000,000	85,000,000,000
5. Investments into other entities	25		-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26		-	-
7. Interests earned, dividends and profits received	27		6,626,212,816	3,444,648,123
Net cash flows from investing activities	30		53,320,011,891	(136,699,330,252)

This statement should be read in conjunction with the Notes to the Interim Consolidated Financial Statements

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Interim Consolidated Cash Flow Statement (cont.)

ITEMS	Code	Note	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
			Current year	Previous year
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from issuing stocks and capital contributions from owners	31		-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32		-	-
3. Proceeds from borrowings	33	V.16	5,438,000,000	-
4. Repayment for loan principal	34	V.16	(271,900,000)	-
5. Payments for financial leased assets	35		-	-
6. Dividends and profits paid to the owners	36		(140,976,280)	(1,671,892,920)
Net cash flows from financing activities	40		5,025,123,720	(1,671,892,920)
Net cash flows during the period	50		70,653,551,708	(174,215,054,143)
Beginning cash and cash equivalents	60	V.1	99,462,233,680	234,879,103,936
Effects of fluctuations in foreign exchange rates	61		-	-
Ending cash and cash equivalents	70	V.1	170,115,785,388	60,664,049,793

Prepared by



Vo Thai Hau

Chief Accountant



Nguyen Viet Trung

Prepared on 12 August 2025

Director




Le Chi Dang

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

1. GENERAL INFORMATION

1. Ownership form

Cat Lai Port Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company" or "the Parent Company") is a joint stock company.

2. Operating fields

The Company operates in the service sector.

3. Business activities

The principal business activities of the Company include shipping agency services, sea transport agency services, maritime brokerage services, ship towage services, cargo loading and unloading services at seaports, and international multimodal transport services.

4. Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is within 12 months.

5. Structure of the Group

The Group includes the Parent Company and one subsidiary under the control of the Parent Company which is consolidated in these Interim Consolidated Financial Statements.

5a. Information on the Group's restructuring

The Group did not acquire any new subsidiaries, or dispose of or divest in any existing ones during the period.

5b. List of consolidated subsidiaries

The Company has a single subsidiary, Cat Lai Port International Logistics Joint Stock Company, located at No. 43 Road N2, Nega Village Residential Area, Quarter 3, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam. The principal business activity of this subsidiary is provision of other supporting services related to transportation. As of the balance sheet date, the Company's contribution rate in this subsidiary was 54.29%, its voting and ownership rates were both equivalent to the contribution rate.

5c. List of associates accounted for using the equity method in the Consolidated Financial Statements

The Company has a single associate, Tan Cang Que Vo Joint Stock Company, located in Kieu Luong Hamlet, Duc Long Commune, Que Vo Town, Bac Ninh Province. The principal business activity of this associate is leasing depot. As of the balance sheet date, the Company's contribution rate in this associate was 20%, its voting and ownership rates were both equivalent to the contribution rate.

6. Statement on information comparability in the Consolidated Financial Statements

The corresponding figures of the previous period are comparable to those of the current period.

7. Employees

As of the balance sheet date, there were 93 employees working for the Group (at the beginning of the year: 84 employees).

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

1. Fiscal year

The fiscal year of the Group is from 1 January to 31 December annually.

2. Accounting currency unit

The accounting currency unit is Vietnam Dong (VND) because payments and receipts of the Group are primarily made in VND.

III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

1. Accounting System

The Group applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 on guidelines for accounting policies for enterprises, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 giving guidance on the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements, as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

2. Statement on the compliance with the Accounting Standards and System

The Board of Management ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, which were issued together with the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016, the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014, as well as other Circulars guiding the implementation of the Vietnamese Accounting Standards of the Ministry of Finance in the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements.

IV. ACCOUNTING POLICIES

1. Basis of preparation of the Interim Consolidated Financial Statements

All the Interim Consolidated Financial Statements are prepared on the accrual basis (except for the information related to cash flows).

The Interim Consolidated Financial Statements have been prepared in both Vietnamese and English, in which the Interim Consolidated Financial Statements in Vietnamese are the official statutory financial statements of the Group. The Interim Consolidated Financial Statements in English have been translated from the Vietnamese version. In the event of any discrepancy between the two versions, the Vietnamese version shall prevail.

2. Basis of consolidation

The Interim Consolidated Financial Statements include the Interim Financial Statements of the Parent Company and its subsidiary. A subsidiary is a business that is controlled by the Parent Company. The control exists when the Parent Company has the power to directly or indirectly govern the financial and operating policies of the subsidiary to obtain economic benefits from its activities. In determining the control power, the potential voting right arising from share call options, debt or equity instruments that are convertible into ordinary shares as of the end of the fiscal year shall be taken into consideration.

The business performance results of the subsidiaries that are acquired or disposed of during the period are included in the Interim Consolidated Income Statement from the date of acquisition or until the date of disposal of those subsidiaries.

The Interim Financial Statements of the Parent Company and its subsidiary used for consolidation are prepared for the same accounting period and apply consistent accounting policies for similar transactions and events in similar circumstances. In case the subsidiary's accounting policies are different from those that are applied consistently within the Group, the appropriate adjustments should be made to the subsidiary's Financial Statements before they are used to prepare the Interim Consolidated Financial Statements.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Intra-group balances in the balance sheet and intra-group transactions and unrealized intra-group gains or losses resulting from these transactions are eliminated when preparing the Interim Consolidated Financial Statements. Unrealized losses resulting from intra-group transactions are also eliminated unless costs that cause those losses cannot be recovered.

Non-controlling interests ("NCI") include the gains or losses of the subsidiary's operating results and net assets that are not held by the Group and are presented in a specific item in the Interim Consolidated Income Statement and the Interim Consolidated Balance Sheet (as a part of the owner's equity). NCI include the value of NCI at the date of initial business combination and those in the changes of owner's equity commencing from that date. Losses arising in the subsidiary are allocated to NCI based on the non-controlling shareholders' ownership rate in the subsidiary, even if those losses exceed the non-controlling shareholders' ownership in the net assets of the subsidiary.

Losses arising in the subsidiary are allocated to NCI based on the non-controlling shareholders' ownership rate in the subsidiary, even if those losses exceed the non-controlling shareholders' ownership in the net assets of the subsidiary.

3. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits at banks. Cash equivalents are short-term investments of which the due dates do not exceed 3 months from the dates of the investments that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value as of the balance sheet date.

4. Financial investments

Held-to-maturity investments

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Group intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments of the Group only include term deposits at banks. Interest income from term deposits at banks is recognized in the Consolidated Income Statement on the accrual basis.

Investments in associates

An associate is an entity which the Group has significant influence but does not have the right to control its financial and operating policies. Significant influence is the right to participate in making resolution on the associate's financial and operating policies but not control those policies.

Investment in associate is recognized in accordance with the equity method. Accordingly, the investment in associate is presented in the Interim Consolidated Financial Statements by the initial investment costs and adjusted for changes in benefits on net assets of associates after the investment date. If the benefits of the Group in losses of the associate are higher than or equal to book value of the investments, the value of investments will be presented in the Interim Consolidated Financial Statements as zero unless the Group has an obligation to make the payment instead of the associate.

The Financial Statements of the associate are prepared for the same accounting period of the Group. In case the accounting policies of an associate are different from those consistently applied in the Group, the Financial Statements of that associate will be suitably adjusted before being used to prepare the Interim Consolidated Financial Statements.

Unrealized gains and losses from transactions with the associate are eliminated by the proportion belong to the Group when preparing the Interim Consolidated Financial Statements.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Investments in equity instruments of other entities

Investments in equity instruments of other entities include such investments in equity instruments that do not enable the Group to have the control, joint control or significant influence on these entities.

Investments in equity instruments of other entities are initially recognized at costs, including cost of purchase plus other directly attributable transaction costs. Dividends and profits of the periods prior to the acquisition of investments are deducted from the cost of such investments. Dividends and profits of the periods after the acquisition of such investments are recorded in the Group's financial income. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities are made as follows:

- For investments of which the fair value cannot be measured at the time of reporting, provisions are made based on the losses suffered by investees, with the provision amount determined by the difference between owners' actual contributed capital and total owners' equity as of the balance sheet date multiplied (x) by the Group's rate of charter capital owning in these investees.

Increases/ (decreases) in provisions for impairment of investments in equity instruments of other entities to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Financial expenses".

5. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amount less allowance for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Group and customers who are independent to the Group.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt after being offset against liabilities (if any). The allowance rate is based on the debts' overdue period or the estimated loss, as follows:

- As for overdue debts:
 - 30% of the value of debts with the overdue period from 6 months to under 1 year.
 - 50% of the value of debts with the overdue period from 1 year to under 2 years.
 - 70% of the value of debts with the overdue period from 2 years to under 3 years.
 - 100% of the value of debts with the overdue period from or over 3 years.
- As for the debts that are not overdue, but considered as doubtful debts: Allowance is made based on the estimated loss.

Increases/ (decreases) in allowance for doubtful debts to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "General and administration expenses".

6. Inventories

Inventories are recognized at the lower of cost and net realizable value.

Costs of inventories (i.e., materials) comprise costs of purchases and other directly attributable costs incurred in bringing the inventories to their present location and conditions.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

The cost of inventories is determined using the weighted average method and recorded in accordance with the perpetual inventory system.

Net realizable value is the estimated selling prices of inventories in an ordinary course of business less the estimated expenses on product completion and other necessary expenses to make the sale.

Allowance for inventories is recognized for each type of inventories when their costs are higher than their net realizable value. Increases/ (decreases) in allowance for inventories to be recognized as of the balance sheet date are recorded into "Costs of sales".

7. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses arising and relevant to financial performance in several accounting periods. These prepaid expenses are allocated over the prepayment period or the period in which corresponding economic benefits are generated from these expenses.

Prepaid expenses of the Group mainly include:

Expenses for tools

Expenses for tools in use are allocated to expenses using the straight-line method over a maximum period of 36 months.

Vehicle insurance premiums

Vehicle insurance premiums are allocated to expenses using the straight-line method over the term in the insurance policy.

Expenses for fixed asset repairs

Expenses for fixed asset repairs arising once with high value are allocated to expenses using the straight-line method over a maximum period of 3 years.

8. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operating costs during the period.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the period.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives. The depreciation years applied are as follows:

<u>Class of fixed assets</u>	<u>Years</u>
Buildings and structures	05 – 30
Machinery and equipment	03 – 12
Vehicles	06 – 10
Office equipment	03 – 06
Other fixed assets	02 – 06

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

9. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated amortization.

Historical costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Group to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operating costs during the period, otherwise, these costs are included into historical costs of fixed assets only if they are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of the asset.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its historical costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the period.

Intangible fixed assets of the Group include:

Land use right

Land use right includes all the actual expenses paid by the Group directly attributable to the land being used such as expenses to obtain the land use right, expenses for site clearance compensation and ground leveling, registration fees, etc. Land use right allocated by the State with obligation to pay land use fees is amortized using the straight-line method over the land allocation term (50 years).

Computer software

Costs to obtain computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Group until the date the software is put into use. Computer software is amortized using the straight-line method over a period from 3 to 4 years.

10. Construction-in-progress

Construction-in-progress reflects the expenses (including relevant borrowing interest expenses following the accounting policies of the Group) directly attributable to the construction of plants and the installation of machinery and equipment to serve for production, leasing, and management as well as the repair of fixed assets, which have not been completed yet. Assets in the progress of construction and installation are recorded at historical costs and not depreciated.

11. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded based on the amounts payable for goods and services already used. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of merchandise, services, or assets and the seller is an independent entity with the Group.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operating expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of merchandise or rendering of services.

Payables and accrued expenses are classified into short-term and long-term ones in the Consolidated Balance Sheet based on the remaining terms as of the balance sheet date.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

12. Owner's equity

Owner's contribution capital

Owner's contribution capital is recorded according to the actual amounts invested by the Company's shareholders.

Share premiums

The differences between the issuance price and face value upon the IPO, additional issue or the difference between the re-issuance price and carrying value of treasury shares and the equity component of convertible bonds upon maturity date are recognized into share premiums. Expenses directly attributable to the additional issue of shares and the re-issuance of treasury shares are recorded as a decrease in share premiums.

13. Profit distribution

Profit after tax is distributed to the shareholders after appropriation for funds under the Charter of the Company as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to the shareholders is made in consideration of non-cash items in retained earnings that may affect cash flows and the ability to pay dividends such as gains from revaluation of assets invested in other entities, gains from revaluation of monetary items, financial instruments and other non-cash items.

Dividends are recorded as payables upon approval of the General Meeting of Shareholders.

14. Recognition of revenue and income

Revenue from rendering of services

Revenue from rendering of services shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of revenue can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, revenue is recognized only when those specific conditions no longer exist and the buyer is not entitled to return the services rendered.
- The Group received or shall probably receive the economic benefits associated with the rendering of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are rendered in several accounting periods, revenue is recognized on the basis of the stage of completion as of the balance sheet date.

Interest

Interest is recorded based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

Dividend income

Dividend income is recognized when the Group has the right to receive dividends from the investees. Particularly, stock dividends received are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

15. Borrowing costs

Borrowing costs are interest expenses and other costs that the Group directly incurs in connection with the borrowings. Borrowing costs are recorded as expenses when incurred.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**16. Expenses**

Expenses are those that result in outflows of the Group's economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenue are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

17. Corporate income tax

Corporate income tax only includes current income tax, which is the tax amount computed based on the taxable income. Taxable income is different from accounting profit due to the adjustments of temporary differences between tax and accounting figures, non-deductible expenses as well as those of non-taxable income and losses brought forward.

18. Related parties

Parties are considered to be related parties in case that one party is able to control the other party or has significant influence on the financial and operating decisions of the other party. Parties are also considered to be related parties in case that they are under the common control or under the common significant influence.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship and not merely the legal form.

19. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Group that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policy applied for the preparation and presentation of the Group's Interim Consolidated Financial Statements.

V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM CONSOLIDATED BALANCE SHEET**1. Cash and cash equivalents**

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	419,861,320	450,230,825
Demand deposits at banks	34,548,504,068	38,864,582,855
Cash equivalents (Term deposits of which the original maturity is within 3 months)	135,147,420,000	60,147,420,000
<i>Nam A Commercial Joint Stock Bank ("Nam A Bank")</i>	<i>110,000,000,000</i>	<i>50,000,000,000</i>
<i>Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade ("Vietinbank")</i>	<i>25,000,000,000</i>	<i>10,000,000,000</i>
<i>Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam ("Vietcombank")</i>	<i>147,420,000</i>	<i>147,420,000</i>
Total	<u>170,115,785,388</u>	<u>99,462,233,680</u>

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
 NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
 For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025
 Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

2. Financial investments**2a. Held-to-maturity investments**

The ending balance represents term deposits at joint stock commercial banks, with a term of 6 months, interest rates ranging from 2.9% to 4.4% per annum, and measured at cost. Details of the balance are as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Nam A Bank	80,000,000,000	50,000,000,000
Vietinbank	20,000,000,000	15,000,000,000
Vietcombank	10,000,000,000	120,000,000,000
Total	<u>110,000,000,000</u>	<u>185,000,000,000</u>

2b. Investments in associates

This represents the investment in Tan Cang Que Vo Joint Stock Company. As of the balance sheet date, the Parent Company held 2,523,400 shares, with the face value of VND 25,234,000,000 representing 20% of the charter capital of Tan Cang Que Vo Joint Stock Company.

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Original cost	78,225,400,000	78,225,400,000
Profit after investment date	10,671,635,837	7,151,265,745
Total	<u>88,897,035,837</u>	<u>85,376,665,745</u>

The value of the Group's ownership in the associate is as follows:

	<u>Current period</u>	<u>Previous period</u>
Beginning balance	85,376,665,745	83,707,440,096
Profit for the period	3,520,370,092	3,250,651,617
Ending balance	<u>88,897,035,837</u>	<u>86,958,091,713</u>

Operation of subsidiary, associate

The subsidiary and the associate are in normal operation, with no significant changes compared to the previous period.

2c. Investments in other entities

	<u>Ending balance</u>		<u>Beginning balance</u>	
	<u>Original cost</u>	<u>Provision</u>	<u>Original cost</u>	<u>Provision</u>
Ho Chi Minh Rubber Corporation	2,258,600,000	(1,637,309,606)	2,258,600,000	(1,637,309,606)

As of the balance sheet date, the Company held 225,860 shares, representing 0.72% of the charter capital of Ho Chi Minh Rubber Corporation.

Fair value

The Group has not determined the fair value of unquoted investments as there have not been any specific instructions on fair value determination.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**3. Short-term trade receivables**

	Ending balance	Beginning balance
<i>Receivables from related parties</i>	<i>156,652,786,391</i>	<i>77,471,046,360</i>
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	156,652,786,391	77,458,842,360
Tan Cang Overland Transport JSC.	-	4,266,000
Tan Cang Hiep Phuoc Port JSC.	-	7,938,000
<i>Receivables from other customers</i>	<i>9,862,813,710</i>	<i>9,017,088,519</i>
Total	166,515,600,101	86,488,134,879

4. Short-term prepayments to suppliers

	Ending balance	Beginning balance
Tan Cang Construction JSC. – Related party	1,179,000,000	2,358,000,000
<i>Prepayments to other suppliers</i>	<i>859,183,000</i>	<i>11,250,410,952</i>
Nguyen Loi Heavy Transport Co., Ltd.	-	6,000,000,000
Liebherr-Mcctec Rostock GMBH	-	4,603,932,000
Other suppliers	859,183,000	646,478,952
Total	2,038,183,000	13,608,410,952

5. Other receivables

	Ending balance		Beginning balance	
	Original cost	Allowance	Original cost	Allowance
<i>Receivables from related parties</i>	<i>2,136,293,302</i>	-	<i>923,209,570</i>	-
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation – Receipts and payments on behalf	2,136,293,302	-	923,209,570	-
<i>Receivables from other organizations and individuals</i>	<i>11,831,579,931</i>	<i>(4,836,731,579)</i>	<i>13,473,342,644</i>	<i>(3,489,345,554)</i>
Accrued interest income from term deposits	1,269,150,676	-	4,801,336,103	-
Advances	1,895,553,007	-	1,267,892,162	-
Deposits	100,000,000	-	100,000,000	-
Payments on behalf	468,653,913	(11,811,925)	143,045,762	(11,811,925)
Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. (*)	6,736,930,124	(4,715,851,087)	6,736,930,124	(3,368,465,062)
Other short-term receivables	1,361,292,211	(109,068,567)	424,138,493	(109,068,567)
Total	13,967,873,233	(4,836,731,579)	14,396,552,214	(3,489,345,554)

- (*) This represents the receivable from Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. ("Quang Thai Hong") in accordance with the Court's rulings related to the dispute over the business cooperation contract between Saigon Agricultural Incorporation and Cat Lai Port Joint Stock Company, and the consignment contract between Quang Thai Hong and Cat Lai Port Joint Stock Company. Under the Court's judgement, Quang Thai Hong One Member Co., Ltd. is obligated to pay the Company VND 6,736,930,124 (including rental and interest). As Quang Thai Hong has not yet fulfilled its payment obligations under the judgment and enforcement decisions, the Civil Judgment Enforcement Office of Binh Thanh District issued Decision No. 67/QD-CCTHADS dated 8 May 2023 on the temporary suspension of exit from the country for Mr. Nguyen Hoang Hai - Legal representative of Quang Thai Hong.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**6. Allowance for doubtful debts**

		Ending balance				Beginning balance	
		Overdue period	Original cost	Allowance		Overdue period	Original cost
Quang Thai Hong One Member Co., Ltd.	From over 2 years to 3 years	6,736,930,124	(4,715,851,087)		From over 1 year to 2 years	6,736,930,124	(3,368,465,062)
Other customers	Over 3 years	1,435,799,769	(1,435,799,769)		Over 3 years	1,429,103,769	(1,429,103,769)
Total		8,172,729,893	(6,151,650,856)			8,166,033,893	(4,797,568,831)

Fluctuations in allowance for doubtful debts are as follows:

	Current period	Previous period
Beginning balance	4,797,568,831	1,216,575,019
Additional allowance during the period	1,354,082,025	3,470,985,812
Ending balance	6,151,650,856	4,687,560,831

7. Inventories

	Ending balance	Beginning balance
Tools	3,381,217,455	4,207,217,455
Work in progress	-	1,323,457,756
Total	3,381,217,455	5,530,675,211

8. Prepaid expenses**8a. Short-term prepaid expenses**

	Ending balance	Beginning balance
Vehicle insurance premiums	560,922,867	319,483,707
Road toll	198,363,916	197,627,900
Land rental	430,532,640	-
Expenses for repairs	371,674,798	2,081,410,332
Other short-term prepaid expenses	30,082,796	18,815,889
Total	1,591,577,017	2,617,337,828

8b. Long-term prepaid expenses

	Ending balance	Beginning balance
Expenses for tools	2,464,315,195	2,951,994,786
Expenses for crane repairs	7,714,433,930	3,329,173,138
Expenses for rail system repairs	9,858,350,972	11,970,854,750
Other long-term prepaid expenses	36,811,963	46,049,421
Total	20,073,912,060	18,298,072,095

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

9. Tangible fixed assets

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Vehicles	Office equipment	Other fixed assets	Total
Historical costs						
Beginning balance	195,087,317,394	341,622,022,079	56,549,832,972	1,899,806,937	1,315,540,278	596,474,519,660
New acquisition	-	23,980,292,232	11,294,496,692	-	-	35,274,788,924
Disposal and liquidation	-	-	(6,432,442,055)	-	-	(6,432,442,055)
Ending balance	<u>195,087,317,394</u>	<u>365,602,314,311</u>	<u>61,411,887,609</u>	<u>1,899,806,937</u>	<u>1,315,540,278</u>	<u>625,316,866,529</u>
<i>In which:</i>						
Assets fully depreciated but still in use	48,255,215,546	232,449,170,257	-	882,072,937	347,571,500	281,934,030,240
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-
Depreciation						
Beginning balance	124,953,472,800	331,024,065,386	40,365,981,110	1,236,095,561	757,373,300	498,336,988,157
Depreciation during the period	3,450,852,270	5,983,466,130	3,290,629,427	226,477,906	81,960,360	13,033,386,093
Disposal and liquidation	-	-	(6,036,750,900)	-	-	(6,036,750,900)
Ending balance	<u>128,404,325,070</u>	<u>337,007,531,516</u>	<u>37,619,859,637</u>	<u>1,462,573,467</u>	<u>839,333,660</u>	<u>505,333,623,350</u>
Net book value						
Beginning balance	70,133,844,594	10,597,956,693	16,183,851,862	663,711,376	558,166,978	98,137,531,503
Ending balance	<u>66,682,992,324</u>	<u>28,594,782,795</u>	<u>23,792,027,972</u>	<u>437,233,470</u>	<u>476,206,618</u>	<u>119,983,243,179</u>
<i>In which:</i>						
Assets temporarily not in use	-	-	-	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-	-	-	-

These Notes form an integral part of and should be read in conjunction with the Interim Consolidated Financial Statements

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**10. Intangible fixed assets**

	<u>Land use right</u>	<u>Computer software</u>	<u>Total</u>
Historical costs			
Beginning balance	101,262,004,441	339,500,000	101,601,504,441
Ending balance	101,262,004,441	339,500,000	101,601,504,441
<i>In which:</i>			
Assets fully amortized but still in use	-	339,500,000	339,500,000
Amortization			
Beginning balance	26,278,747,433	339,500,000	26,618,247,433
Amortization during the period	792,324,042	-	792,324,042
Ending balance	27,071,071,475	339,500,000	27,410,571,475
Net book value			
Beginning balance	74,983,257,008	-	74,983,257,008
Ending balance	74,190,932,966	-	74,190,932,966
<i>In which:</i>			
Assets temporarily not in use	-	-	-
Assets waiting for liquidation	-	-	-

11. Construction-in-progress

	<u>Beginning balance</u>	<u>Increase during the period</u>	<u>Transferred to fixed assets</u>	<u>Ending balance</u>
Acquisition of fixed assets	124,061,666	35,197,224,789	(35,274,788,924)	46,497,531
Construction-in-progress	553,543,848	-	-	553,543,848
Expenses for fixed asset repairs	626,906,965	66,358,136	-	693,265,101
Total	1,304,512,479	35,263,582,925	(35,274,788,924)	1,293,306,480

12. Short-term trade payables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Payables to related parties	16,895,394,040	12,441,928,717
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	8,023,816	38,400,487
Tan Cang Technical Services JSC.	3,894,797,824	868,227,638
Tan Cang Construction JSC.	-	636,448,106
Tan Cang - Tay Ninh JSC.	-	50,300,000
Tan Cang Song Than ICD JSC.	-	14,580,000
Cat Lai Logistics JSC.	223,383,000	223,383,000
Dong Nai Newport Logistics JSC.	-	164,176,000
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC.	12,769,189,400	10,446,413,486
Payables to other suppliers	23,380,275,943	18,357,922,572
Nguyen Loi Heavy Transport Co., Ltd.	6,620,000,000	-
Son Tuyen Business Household	5,914,737,360	6,932,687,790
Other suppliers	10,845,538,583	11,425,234,782
Total	40,275,669,983	30,799,851,289

The Group has no overdue trade payables.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**13. Taxes and other obligations to the State Budget**

	Beginning balance	Incurred during the period		Ending balance	
	Payable	Amount payable	Amount already paid	Payable	Receivable
VAT on local sales	745,626,658	3,354,432,617	(2,524,103,392)	1,575,955,883	-
VAT on imports	-	1,847,588,198	(1,847,588,198)	-	-
Corporate income tax	6,452,256,275	13,083,296,264	(6,597,616,275)	12,937,936,264	-
Personal income tax	529,707,648	742,273,730	(1,293,307,320)	71,680,090	93,006,032
Foreign contractor tax	-	23,874,969	(23,874,969)	-	-
Property tax	-	15,499,175	(15,499,175)	-	-
Land rental	-	861,065,280	(861,065,280)	-	-
License duty	-	6,000,000	(6,000,000)	-	-
Total	7,727,590,581	19,934,030,233	(13,169,054,609)	14,585,572,237	93,006,032

Value added tax ("VAT")

The Group has to pay VAT in accordance with the deduction method. The VAT rates are as follows:

Services provided to foreign shipping lines	0%
Other services	8%, 10%

Corporate income tax ("CIT")

The companies in the Group have to pay CIT for taxable income at the rate of 20%.

The CIT liabilities of the companies in the Group are determined based on the prevailing regulations on taxes. However, these regulations may change from time to time and regulations applicable to variety of transactions can be interpreted differently. Therefore, the tax amount presented in the Interim Consolidated Financial Statements could change when being inspected by the Tax Office.

Property tax

Property tax is paid according to the notices of the tax department.

Land rental

The Group has to pay land rental for an area of 59,796.2 m² located in Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, for the purpose of investing in the construction of a port, at the rental rate for 2025 of VND 14,400/m².

Other taxes

The Group declares and pays these taxes according to prevailing regulations.

14. Short-term accrued expenses

	Ending balance	Beginning balance
Accrued transport expenses to related parties	10,139,910,230	197,499,260
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC.	1,239,910,230	197,499,260
Tan Cang Mien Trung JSC.	8,900,000,000	-
Accrued expenses to other organizations and individuals	2,406,210,185	397,671,601
Accrued loan interest expenses	-	3,039,320
Transport, lifting and handling expenses	2,406,210,185	386,317,929
Other accrued expenses	-	8,314,352
Total	12,546,120,415	595,170,861

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**15. Other short-term payables**

	Ending balance	Beginning balance
<i>Payables to related parties</i>	46,845,146,000	335,965,000
Dividends payable	46,597,961,400	-
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	23,272,173,900	-
Voluntary Youth Public Benefit Service Co., Ltd.	20,021,662,500	-
Tan Cang Logistics and Stevedoring JSC.	3,304,125,000	-
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC. – Receipts and payments on behalf	85,184,600	173,965,000
Remuneration of BOD, BOS	162,000,000	162,000,000
<i>Payables to other organizations and individuals</i>	55,392,627,266	7,396,595,931
Trade Union's expenditure	78,691,230	38,209,244
Social insurance, health insurance, unemployment insurance premiums	11,360,682	4,128,734
VAT pending declaration	3,900,641,760	-
Short-term deposits received	507,550,000	566,550,000
Dividends payable	49,667,658,955	5,626,596,635
Payments on behalf	982,666,332	1,133,257,286
Other short-term payables	244,058,307	27,854,032
Total	102,237,773,266	7,732,560,931

16. Borrowings

This represents the long-term loan from Vietcombank – Ho Chi Minh City Branch, under the agreements signed on 16 October 2024 and 11 April 2025, for the acquisition of 15 tractors, with a term of 60 months and an interest rate of 6.8% per annum. This loan is secured by mortgaging the assets financed by the loan.

The Group has ability to repay its borrowings.

Repayment schedule of borrowings is as follows:

	Ending balance	Beginning balance
Within 1 year	1,631,400,000	543,800,000
Over 1 year to 5 years	6,253,700,000	2,175,200,000
Over 5 years	-	-
Total	7,885,100,000	2,719,000,000

Details of increases/ (decreases) in borrowings during the period are as follows:

	Current portions of long-term loans	Long-term loans	Total
Beginning balance	543,800,000	2,175,200,000	2,719,000,000
Amount of loan incurred	-	5,438,000,000	5,438,000,000
Transfer to current portions of long-term loans	1,359,500,000	(1,359,500,000)	-
Amount of loan repaid	(271,900,000)	-	(271,900,000)
Ending balance	1,631,400,000	6,253,700,000	7,885,100,000

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**17. Bonus and welfare funds**

	Beginning balance	Increase due to appropriation from profit	Disbursement during the period	Ending balance
Bonus fund	2,275,294,490	-	(1,713,000,000)	562,294,490
Welfare fund	481,560,657	312,000,000	(655,975,000)	137,585,657
Executive Officers' bonus fund	4,859,882	292,258,136	(292,258,136)	4,859,882
Total	2,761,715,029	604,258,136	(2,661,233,136)	704,740,029

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

18. Owner's equity**18a. Statement of changes in owner's equity**

	Owner's contribution capital	Share premiums	Investment and development fund	Retained earnings	Non-controlling interests	Total
Previous period						
Beginning balance	340,000,000,000	60,123,448,000	103,623,271,921	96,754,375,918	18,230,174,445	618,731,270,284
Profit for the period	-	-	-	45,867,382,334	200,980,317	46,068,362,651
Dividends declared	-	-	-	(88,400,000,000)	-	(88,400,000,000)
Appropriation to Executive Officers' bonus fund from previous year's profit	-	-	-	(349,382,163)	-	(349,382,163)
Ending balance	340,000,000,000	60,123,448,000	103,623,271,921	53,872,376,089	18,431,154,762	576,050,250,772
Current period						
Beginning balance	340,000,000,000	60,123,448,000	103,623,271,921	100,583,614,486	19,290,481,248	623,620,815,655
Profit for the period	-	-	-	51,412,106,030	2,312,870,714	53,724,976,744
Dividends declared	-	-	-	(90,780,000,000)	-	(90,780,000,000)
Appropriation to Executive Officers' bonus fund from previous year's profit at the Parent Company	-	-	-	(292,258,136)	-	(292,258,136)
Appropriation to Executive Officers' bonus fund from previous year's profit at the subsidiary	-	-	-	(169,371,429)	(142,628,571)	(312,000,000)
Ending balance	340,000,000,000	60,123,448,000	103,623,271,921	60,754,090,951	21,460,723,391	585,961,534,263

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**18b. Details of owner's capital contribution**

The contribution of charter capital is as follows:

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
The State's investment capital	162,149,200,000	162,149,200,000
In which:		
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	87,161,700,000	87,161,700,000
Voluntary Youth Public Benefit Service Co., Ltd.	74,987,500,000	74,987,500,000
Other shareholders' capital contribution	177,850,800,000	177,850,800,000
Total	340,000,000,000	340,000,000,000

18c. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of shares registered to be issued	34,000,000	34,000,000
Number of ordinary shares already issued	34,000,000	34,000,000
Number of outstanding ordinary shares	34,000,000	34,000,000

Face value per outstanding share: VND 10,000.

18d. Profit distribution

During the period, the Group distributed its profit in accordance with the Resolutions of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, as follows:

	<u>Parent Company</u>	<u>Subsidiary</u>
✓ Dividends declared to shareholders	90,780,000,000	-
✓ Appropriation to Executive Officers' bonus fund	292,258,136	312,000,000

19. Off-Interim Consolidated Balance Sheet items**Foreign currencies**

As of the balance sheet date, cash and cash equivalents included USD 3,695.28 (beginning balance: USD 3,701.88).

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**1. Revenue from sales of merchandise and rendering of services****1a. Gross revenue**

	<u>Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period</u>	
	<u>Current year</u>	<u>Previous year</u>
Revenue from seaport leasing services	76,500,000,000	75,000,000,000
Revenue from stevedoring equipment leasing services	11,305,229,664	11,900,241,756
Revenue from transport services	111,848,103,019	57,666,310,130
Revenue from sales of merchandise	-	588,282,710
Revenue from rendering of other services	1,476,256,000	9,793,395,475
Total	201,129,588,683	154,948,230,071

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**1b. Revenue from sales of merchandise and rendering of services to the related parties**

The Group has transactions of sales of merchandise and rendering of services to other related parties as follows:

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation		
Revenue from seaport leasing services	76,500,000,000	75,000,000,000
Revenue from stevedoring equipment leasing	11,305,229,664	11,900,241,756
Revenue from transport services	101,783,271,852	55,305,199,495
Revenue from rendering of other services	1,476,256,000	6,645,034,365
Revenue from rendering of services to:		
Tan Cang - Tay Ninh JSC.	-	314,080,000
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC.	111,000,000	-
Tan Cang Song Than ICD JSC.	-	93,390,000

2. Costs of sales

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Costs of seaport leasing services	9,783,235,621	8,820,154,743
Costs of stevedoring equipment leasing services	10,973,502,532	8,558,728,074
Costs of transport services	104,575,010,684	60,354,296,564
Costs of merchandise sold	-	576,822,039
Costs of other services	907,802,441	6,797,594,139
Total	126,239,551,278	85,107,595,559

3. Financial income

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Interest on term deposits	3,094,027,389	4,616,270,266
Interest on demand deposits and cash equivalents	266,812,418	154,782,787
Exchange gain arising from transactions in foreign currencies	5,211,928	-
Total	3,366,051,735	4,771,053,053

4. General and administration expenses

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Labor costs	7,695,305,443	7,762,575,137
Materials and supplies	79,472,669	68,376,190
Office supplies	151,487,969	176,835,432
Depreciation/amortization of fixed assets	944,834,602	1,048,759,541
Taxes, fees and legal fees	21,499,175	21,499,175
Allowance for doubtful debts	1,354,082,025	3,470,985,812
Expenses for external services	1,771,269,681	2,312,271,723
Other expenses	3,656,267,135	3,185,519,690
Total	15,674,218,699	18,046,822,700

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**5. Other income**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Proceeds from liquidation of scraps	179,750,000	-
Gain on disposal and liquidation of fixed assets	1,726,530,076	154,822,267
Total	1,906,280,076	154,822,267

6. Earnings per share ("EPS")**6a. Basic/Diluted EPS**

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Accounting profit after corporate income tax of the Parent Company's shareholders	51,412,106,030	45,867,382,334
- Appropriation to Executive Officers' bonus fund	(1,000,000,000)	(1,000,000,000)
- Appropriation to bonus and welfare funds	(4,593,457,143)	(4,723,150,000)
Profit used to calculate basic/diluted EPS	45,818,648,887	40,144,232,334
Weighted average number of ordinary shares outstanding during the period	34,000,000	34,000,000
Basic/Diluted EPS	1,348	1,181

For the purpose of presenting the "Basic EPS" item for the current period, the bonus and welfare funds and the Executive Officers' bonus fund are provisionally calculated based on the 2025 profit distribution plan, in accordance with the Resolutions of the 2025 Annual General Meetings of Shareholders of each company within the Group.

6b. Other information

There have not been any transactions of ordinary shares or potential transactions of ordinary shares from the balance sheet date to the disclosure date of these Interim Consolidated Financial Statements.

7. Operating costs by factors

	Accumulated from the beginning of the year to the end of the current period	
	Current year	Previous year
Materials and supplies	9,073,173,186	10,710,163,830
Labor costs	16,233,621,999	15,191,844,347
Depreciation/amortization of fixed assets	13,825,710,135	15,391,497,036
Expenses for external services	96,814,014,207	48,090,789,351
Allowance for doubtful debts	1,354,082,025	3,470,985,812
Other expenses	5,435,236,970	10,014,183,004
Total	142,735,838,522	102,869,463,380

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)**VII. OTHER DISCLOSURES****1. Operating lease assets**

As of the balance sheet date, the future maximum rental income from irrevocable operating lease agreements to be received is as follows:

	Ending balance	Beginning balance
Within 1 year	150,000,000,000	150,000,000,000
Over 1 year to 5 years	525,000,000,000	675,000,000,000
Over 5 years	-	-
Total	675,000,000,000	825,000,000,000

The total rental income recognized into revenue during the period is VND 76,500,000,000 (previous period: VND 75,000,000,000).

2. Transactions and balances with the related parties

The related parties of the Company include the key managers, their related individuals and other related parties.

2a. Transactions and balances with the key managers and their related individuals

The key managers include the Board of Directors ("BOD"), the Board of Supervisors ("BOS") and the Executive Officers (the Board of Management ("BOD"), the Chief Accountant). The key managers' related individuals are their close family members.

Transactions with the key managers and their related individuals

The Group has no transactions with the key managers and their related individuals.

Outstanding balances with the key managers and their related individuals

Outstanding balances with the key managers and their related individuals are disclosed in Note V.15.

Compensation of the key managers

	Position	Salary	Bonus	Remuneration	Total compensation
Current period					
BOD					
Nguyen Thanh Son	Chairman	231,000,000	383,128,550	-	614,128,550
Ta Cao Thai	Vice Chairman	-	42,300,520	60,000,000	102,300,520
Le Chi Dang	Member cum Director	223,485,294	365,955,018	36,000,000	625,440,312
Pham Hieu Dao	Member cum Deputy Director	187,121,648	282,755,018	36,000,000	505,876,666
Nguyen Huynh Mai	Member	-	34,609,516	36,000,000	70,609,516
Nguyen Chau Bao	Member	-	34,609,516	36,000,000	70,609,516
Hoang Duc Thinh	Member	-	34,609,516	36,000,000	70,609,516
BOS					
Do Thanh Thanh	Head of BOS	-	-	30,000,000	30,000,000
Le Hai Nam	BOS Member	-	-	27,000,000	27,000,000
Le Thi Doan Trang	BOS Member	-	-	27,000,000	27,000,000

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

	Position	Salary	Bonus	Remuneration	Total compensation
BOM					
Hoang Minh Thao	Deputy Director	193,289,363	244,300,000	-	437,589,363
Nguyen Viet Truong	Chief Accountant	161,099,866	250,418,512	-	411,518,378
Total		995,996,171	1,672,686,166	324,000,000	2,992,682,337

Previous period**BOD**

Nguyen Thanh Son	Chairman (from 3 June 2024)	38,500,000	11,000,000	-	49,500,000
Nguyen Phuong Nam	Chairman (until 3 June 2024)	-	53,676,031	50,700,000	104,376,031
Ta Cao Thai	Vice Chairman	-	27,434,416	60,000,000	87,434,416
Le Chi Dang	Member cum Director	216,792,763	371,296,391	36,000,000	624,089,154
Pham Hieu Dao	Member cum Deputy Director	175,254,533	288,096,391	36,000,000	499,350,924
Nguyen Huynh Mai	Member	-	43,916,752	36,000,000	79,916,752
Nguyen Chau Bao	Member	-	43,916,752	36,000,000	79,916,752
Hoang Duc Thinh	Member	-	22,446,340	36,000,000	58,446,340

BOS

Do Thanh Thanh	Head of BOS	-	-	30,000,000	30,000,000
Le Hai Nam	BOS Member	-	-	27,000,000	27,000,000
Le Thi Doan Trang	BOS Member	-	-	27,000,000	27,000,000

BOM

Hoang Minh Thao	Deputy Director (from 3 June 2024)	31,422,600	44,000,000	-	75,422,600
Nguyen Viet Truong	Chief Accountant	153,460,030	252,657,475	-	406,117,505
Total		615,429,926	1,158,440,548	374,700,000	2,148,570,474

2b. Transactions and balances with other related parties

Other related parties of the Group include:

Name	Relationship
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation ("SNP")	Major shareholder (holding 25.64%)
Voluntary Youth Public Benefit Service Co., Ltd.	Major shareholder (holding 22.06%)
Tan Cang Logistics and Stevedoring JSC.	Shareholder (holding 4.64%)
Cat Lai Port International Logistics JSC.	Subsidiary
Tan Cang Que Vo JSC.	Associate
Tan Cang Technical Services JSC. ("TCTS")	Subsidiary of SNP
Tan Cang Container Services JSC.	Subsidiary of TCTS
Tan Cang Construction JSC.	Subsidiary of SNP
Tan Cang - STC Human Resource Development Co., Ltd.	Subsidiary of SNP
Tan Cang Warehousing JSC. ("TCW")	Subsidiary of SNP
Cat Lai Logistics JSC.	Subsidiary of TCW

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Name	Relationship
Tan Cang Song Than ICD JSC.	Subsidiary of SNP
Tan Cang Mien Trung JSC.	Subsidiary of SNP
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC.	Entity in the same Group
Dong Nai Newport Logistics JSC.	Subsidiary of the major shareholder
Tan Cang - Tay Ninh JSC.	Entity in the same Group

Transactions with other related parties

In addition to the transactions disclosed in Note VI.1b, the Group also has other transactions with other related parties, as follows:

	Current period	Previous period
<i>Dividend distributions to the related parties:</i>		
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	23,272,173,900	22,662,042,000
Voluntary Youth Public Benefit Service Co., Ltd.	20,021,662,500	19,496,750,000
Tan Cang Logistics and Stevedoring JSC.	3,304,125,000	3,217,500,000
<i>Purchase of merchandise and use of services provided by the related parties</i>		
Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	101,797,832	38,682,717
Tan Cang Warehousing JSC.	-	9,685,185
Cat Lai Logistics JSC.	-	27,687,963
Tan Cang Hong Ngoc Phu Quoc Investment Logistics JSC.	17,324,979,682	21,128,947,081
Dong Nai Newport Logistics JSC.	-	21,881,818
Tan Cang Technical Services JSC.	1,455,291,808	754,125,274
Tan Cang - STC Human Resource Development Co., Ltd.	14,437,037	14,625,000
Tan Cang Container Services JSC.	35,860,000	66,410,000
Tan Cang Song Than ICD JSC.	30,250,000	-
Tan Cang Mien Trung JSC.	8,900,000,000	-

Outstanding balances with other related parties

Outstanding balances with other related parties are disclosed in Notes V.3, V.4, V.5, V.12, V.14 and V.15.

Receivables from other related parties are unsecured and will be paid in cash. No allowance has been made for the receivables from other related parties.

3. Segment information

The primary reporting format is the business segments since risks and profitability of the Group are substantially affected by differences on its products and services provided by the Group.

3a. Information on business segments

The Group has the following principal business segments:

- Segment of seaport leasing and ancillary services; and
- Segment of transport services.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

Information on business results, fixed assets, other non-current assets and value of significant non-cash expenses of the business segments of the Group is as follows:

	Segment of seaport leasing and ancillary services	Segment of transport services	Total
Current period			
Net external revenue	89,281,485,664	111,848,103,019	201,129,588,683
Net inter-segment revenue	-	-	-
Total net revenue	89,281,485,664	111,848,103,019	201,129,588,683
Segment operating profit	67,616,945,070	7,273,092,335	74,890,037,405
Expenses not attributable to segments			(16,496,287,244)
Operating profit			58,393,750,161
Profit/ (loss) in joint ventures, associates			3,520,370,092
Financial income			3,366,051,735
Financial expenses			(368,770,656)
Other income			1,906,280,076
Other expenses			(9,408,400)
Current income tax			(13,083,296,264)
Deferred income tax			-
Profit after tax			53,724,976,744
Total expenses for acquisition of fixed assets and other non-current assets	23,980,292,232	11,294,496,692	35,274,788,924
Total depreciation/amortization and allocation of long-term prepaid expenses	11,667,169,180	6,556,515,481	18,223,684,661
Previous period			
Net external revenue	97,281,919,941	57,666,310,130	154,948,230,071
Net inter-segment revenue	-	-	-
Total net revenue	97,281,919,941	57,666,310,130	154,948,230,071
Segment operating profit	73,105,442,985	(3,264,808,473)	69,840,634,512
Expenses not attributable to segments			(18,338,689,860)
Operating profit			51,501,944,652
Profit/ (loss) in joint ventures, associates			3,250,651,617
Financial income			4,771,053,053
Financial expenses			-
Other income			154,822,267
Other expenses			(1,518,542,400)

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

	Segment of seaport leasing and ancillary services	Segment of transport services	Total
Current income tax			(12,091,566,538)
Deferred income tax			-
Profit after tax			46,068,362,651

Total expenses for acquisition of fixed assets and other non-current assets	272,213,124	-	272,213,124
--	--------------------	----------	--------------------

Total depreciation/amortization and allocation of long-term prepaid expenses	9,661,120,535	5,109,869,929	14,770,990,464
---	----------------------	----------------------	-----------------------

The Group's assets and liabilities by business segments are as follows:

	Segment of seaport leasing and ancillary services	Segment of transport services	Total
Ending balance			
Segment assets	680,499,414,997	86,196,647,289	766,696,062,286
Total assets			766,696,062,286
Segment liabilities	120,183,461,632	62,151,066,391	182,334,528,023
Total liabilities			182,334,528,023
Beginning balance			
Segment assets	606,362,586,666	75,348,377,005	681,710,963,671
Total assets			681,710,963,671
Segment liabilities	24,939,698,739	33,150,449,277	58,090,148,016
Total liabilities			58,090,148,016

3b. Information on geographical segments

The Group's operations are conducted primarily in the domestic area.

CAT LAI PORT JOINT STOCK COMPANY

Address: Nguyen Thi Dinh Road, Cat Lai Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

For the first 6 months of the fiscal year ended 31 December 2025

Notes to the Interim Consolidated Financial Statements (cont.)

4. Subsequent events

There have been no material events after the balance sheet date, which require to make adjustments on the figures or to be disclosed in the Interim Consolidated Financial Statements.

Prepared on 12 August 2025

Prepared by**Vo Thai Hau****Chief Accountant****Nguyen Viet Truong****Director****Le Chi Dang**